

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

Hà Nội - Tháng 05 năm 2019

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO KỶ KẾ TOÁN 31 THÁNG 3 NĂM 2019	
Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2019	3 - 4
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tại ngày 31 tháng 3 năm 2019	5
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tại ngày 31 tháng 3 năm 2019	6
Thuyết minh Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2019	7 - 33

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính quý 1 của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2019- 31/03/2019.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010. Và đã được thay đổi lần 4 ngày 03/08/2016 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Tên Tổng Công ty bằng tiếng Anh là : SONGHONG JOINT STOCK CORPORATION.
Tên viết tắt là : SONGHONG CORP
Vốn điều lệ của Tổng Công ty là : 270.000.000.000 VND (Hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Huyền Linh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
	Ông Lê Xuân Thi	Phó Chủ tịch
	Ông Phạm Văn Nghĩa	Thành viên
	Ông Lã Tuấn Hưng	Thành viên
	Ông Phan Việt Anh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Lã Tuấn Hưng	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	Ông Trần Anh Tài	Trưởng ban kiểm soát
	Ông Cao Tiến Trung	Thành viên
	Bà Phạm Thị Mai Hương	Thành viên - Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động ngày 31/12/2017
Kế toán trưởng	Bà Nguyễn Thị Nhung	

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, *as*



Lã Tuấn Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

			31/03/2019	01/01/2019
			VND	VND
	MS	TM		
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		580,451,245,111	586,467,102,798
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	7,291,609,478	7,169,246,596
1. Tiền	111		7,291,609,478	7,169,246,596
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		351,571,410,825	356,277,700,108
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	204,287,354,635	223,697,115,391
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	299,114,684,189	282,385,156,369
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	158,643,031,277	160,669,087,624
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(310,473,659,276)	(310,473,659,276)
IV. Hàng tồn kho	140		210,327,258,107	210,326,258,107
1. Hàng tồn kho	141	5.6	210,327,258,107	210,326,258,107
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11,260,966,701	12,693,897,987
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11,260,966,701	10,214,847,847
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	-	2,479,050,140
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		475,708,115,626	477,316,269,083
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		298,674,505,075	298,274,505,075
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	298,674,505,075	298,274,505,075
II. Tài sản cố định	220		6,059,217,897	7,108,239,715
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	6,059,217,897	7,108,239,715
- Nguyên giá	222		57,417,504,112	57,417,504,112
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51,358,286,215)	(50,309,264,397)
III. Bất động sản đầu tư	230		56,257,899,457	56,257,899,457
1. Nguyên giá	231		56,257,899,457	56,257,899,457
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	35,924,641,375	35,870,263,375
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		35,924,641,375	35,870,263,375
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	66,320,025,799	66,320,025,799
1. Đầu tư vào công ty con	251		84,030,709,344	84,030,709,344
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		191,916,364,580	191,916,364,580
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10,528,713,942	10,528,713,942
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(220,155,762,067)	(220,155,762,067)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12,471,826,023	13,485,335,662
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	12,471,826,023	13,485,335,662
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1,056,159,360,737	1,063,783,371,881

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

		31/03/2019	01/01/2019
		VND	VND
	MS TM		
C- NỢ PHẢI TRẢ	300	1,659,998,472,967	1,644,334,914,077
I. Nợ ngắn hạn	310	1,162,567,841,658	1,144,904,282,768
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 5.11	268,120,664,761	276,068,587,987
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312 5.12	46,199,535,530	46,199,514,985
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 5.13	2,660,186,957	822,785,797
4. Phải trả người lao động	314	2,495,272,969	2,328,832,223
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315 5.14	595,855,204,332	573,995,204,332
9. Phải trả ngắn hạn khác	319 5.15	51,807,349,506	50,059,729,841
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320 5.17	195,219,563,313	195,219,563,313
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	210,064,290	210,064,290
II. Nợ dài hạn	330	497,430,631,309	499,430,631,309
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337 5.15	258,455,643,308	260,455,643,308
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342 5.16	238,974,988,001	238,974,988,001
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	(603,839,112,230)	(580,551,542,196)
I- Vốn chủ sở hữu	410 5.18	(603,839,112,230)	(580,551,542,196)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	270,000,000,000	270,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	270,000,000,000	270,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	24,126,376,429	24,126,376,429
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	1,072,018,933	1,072,018,933
7. Quỹ đầu tư phát triển	418	26,293,456,226	26,293,456,226
8. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	419	25,981,000	25,981,000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	5,941,310,206	5,941,310,206
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(931,298,255,024)	(908,010,684,990)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(908,010,684,990)	(531,690,668,681)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(23,287,570,034)	(376,320,016,309)
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	431	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1,056,159,360,737	1,063,783,371,881
(440 = 300+400)			

Người lập

Thuy

Nguyễn Diệu Thúy

Kế toán trưởng

Nhung

Nguyễn Thị Nhung

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2019

Tổng Giám đốc

H

Lã Tuấn Hưng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
			đến 31/03/2019	đến 31/03/2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	11,325,462,763	7,887,182,323
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		11,325,462,763	7,887,182,323
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	10,604,506,862	7,397,270,748
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		720,955,901	489,911,575
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	105,568,461	2,520,565,642
7. Chi phí tài chính	22	5.22	21,860,000,000	6,322,651,621
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		21,860,000,000	6,322,651,621
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.23	4,079,784,171	5,324,685,987
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(25,113,259,809)	(8,636,860,391)
{30 = 20+(21-22)-(25+26)}				
12. Thu nhập khác	31	5.24	1,825,689,775	1,776,630,818
13. Chi phí khác	32	5.24	-	317,550,502
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1,825,689,775	1,459,080,316
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(23,287,570,034)	(7,177,780,075)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(23,287,570,034)	(7,177,780,075)

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Diệu Thúy

Nguyễn Thị Nhung

Lã Tuấn Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
		đến 31/03/2019 VND	đến 31/03/2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(23,287,570,034)	(7,177,780,075)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	1,049,021,818	1,363,712,722
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(105,568,461)	(2,520,565,642)
- Chi phí lãi vay	06	21,860,000,000	6,322,651,621
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(484,116,677)	(2,011,981,374)
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	5,844,789,030	(51,416,203,650)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(1,000,000)	(5,409,330)
- Tăng giảm các khoản phải trả	11	(6,196,441,110)	30,610,126,859
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	1,013,509,639	(31,338,950)
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(1,996,467,545)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20	176,740,882	(24,851,273,990)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(54,378,000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(74,401,818)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	7,620,893,100
7. Tiền thu lãi cho vay cổ tức và lợi nhuận được	27	-	14,586,215
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(54,378,000)	7,561,077,497
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	65,219,780,000
2. Tiền thu từ cho vay	33	-	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(47,512,608,576)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	17,707,171,424
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	122,362,882	416,974,931
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7,169,246,596	20,781,977,738
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	7,291,609,478	21,198,952,669

Người lập

Thuy

Nguyễn Diệu Thúy

Kế toán trưởng

Nhung

Nguyễn Thị Nhung



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010. Và đã được thay đổi lần 4 ngày 03/08/2016 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Tên Tổng Công ty bằng tiếng Anh là : SONGHONG JOINT STOCK CORPORATION.

Tên viết tắt là : SONGHONG CORP

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là : 270.000.000.000 VND (Hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cầu cống, thủy điện, buru điện, nền móng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, công trình đường dây và trạm biến thế, các công trình thăm lục địa, cảng sông, cảng biển; Xây dựng lắp đặt hệ thống nước y tế, khí sạch, thiết bị thí nghiệm, xử lý môi trường trong các công trình y tế;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Lập trình máy vi tính;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên công ty, đơn vị	% sở hữu thực tế
Đầu tư vào Công ty con	
Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long	55,73%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng	65,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng	66,31%
Công ty Cổ phần Tư vấn kiến trúc và Đô thị Sông Hồng	57,08%
Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng	100%
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	100%
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết	
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	48,91%
Công ty Cổ phần Sông Hồng 36	48,75%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Sông Hồng	43,25%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Miền Trung	35,50%
Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng	32,90%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn	25,11%
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Sông Hồng	22,79%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Sông Hồng	21%
Công ty Cổ phần Sông Hồng 10	20%
Công ty Cổ phần sông Hồng 8	20%
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Sông Hồng 9	20%

Các đơn vị trực thuộc:

Địa chỉ

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng	Số 70 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
Ban điều hành Dự án Xây dựng gói thầu DH 1.6	Tiểu khu 11, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
Ban điều hành thi công gói thầu số 3 - Dự án thoát nước Hà Nội	Số 5/158 Hoàng Văn Thái, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Ban quản lý dự án Khu nhà ở cho cán bộ Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Việt Nam	Số 70 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	Thôn Hải Phong, xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

2. NĂM TÀI CHÍNH/ KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến 31/03/2019

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung và ghi sổ bằng máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hoạt động liên tục

Tại ngày 31/03/2019 lỗ lũy kế 931,3 tỷ đồng, âm vốn chủ sở hữu 603,8 tỷ đồng nợ tín dụng xấu nên Tổng Công ty không đủ điều kiện về năng lực để tham gia các gói thầu nhằm tạo việc làm và nguồn tài chính cho Công ty mẹ và các Công ty thành viên. Doanh thu và sản lượng chủ yếu của các công trình chuyển tiếp dở dang từ các năm trước chuyển sang có hiệu quả thấp, lãi vay lớn. Công ty mẹ và tổ hợp các Công ty thành viên vẫn tiếp tục mất khả năng thanh toán nghiêm trọng do nợ phải trả tiếp tục tăng từ phát sinh lãi vay phải trả cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I, nợ phải trả liên quan đến các Nghĩa vụ bảo lãnh cho các Công ty con.

Để khắc phục tình trạng này, Ban Tổng Giám đốc đã và đang thực hiện các biện pháp như sau:

- Tái cơ cấu Tổng Công ty thông qua việc chuyển nhượng phần vốn tại các công ty con, công ty liên kết theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/08/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Thông báo số 221/TB-BXD ngày 06/06/2018 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện chủ trương của Bộ Xây dựng trong việc thoái vốn Nhà nước của Tổng Công ty Sông Hồng về mức 36% hoặc Bộ Xây dựng phải bán hết vốn Nhà nước vào năm 2018.
- Quyết toán các công trình tồn đọng và thu hồi công nợ.
- Tăng vốn điều lệ theo Phương án tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty từ 270 tỷ đồng lên 450 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 63/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/08/2018 bằng cách phát hành cổ phiếu phổ thông.

Bằng các biện pháp trên, cùng với sự hỗ trợ của Cổ đông lớn là Bộ Xây dựng, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà Tổng công ty nắm quyền kiểm soát.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định ghi nhận ban đầu bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-15
Máy móc và thiết bị	03-08
Phương tiện vận tải	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm (với công cụ dụng cụ xuất dùng).

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí thuê đồ gá: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Tổng Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Tổng Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	519,080,601	164,562,502
Tiền gửi ngân hàng	6,772,528,877	7,004,684,094
Tổng	7,291,609,478	7,169,246,596

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/03/2019	01/01/2019
	VND	VND
Các đối tượng	204,287,354,635	223,697,115,391
Tổng	204,287,354,635	223,697,115,391

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/03/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng (Sông Hồng 24)	43,574,509,655	43,574,509,655
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	126,390,086,131	126,390,086,131
Các đối tượng khác	129,150,088,403	112,420,560,583
Tổng	299,114,684,189	282,385,156,369

5.4 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	158,643,031,277	(129,238,526,304)	160,669,087,624 ^r	(129,238,526,304)
- Phải thu về CP hóa	5,115,072,141	-	5,115,072,141	-
- Tạm ứng	17,423,525,725	(9,053,459,964)	17,741,407,612	(9,053,459,964)
- Ký cược, ký quỹ	205,000,000	-	205,000,000	-
- Phải thu khác	135,899,433,411	(120,185,066,340)	137,607,607,871	(120,185,066,340)
Dài hạn	298,674,505,075	-	298,274,505,075	-
<i>Ban Quản lý dự án Thái</i>				
<i>Hà</i>	258,939,504,206	-	258,939,504,206	-
<i>Các khoản khác</i>	39,735,000,869	-	39,335,000,869	-
Tổng	457,317,536,352	(129,238,526,304)	458,943,592,699	(129,238,526,304)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.5 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	339,808,102,197	29,334,442,921	299,626,625,214	42,926,343,463
Trong đó:				
		Quá hạn trên 01 năm	Quá hạn trên 02 năm	Quá hạn trên 03 năm
Phải thu Tạm ứng				9,053,459,964
Phải thu ngắn hạn khách hàng				70,471,070,790
Trả trước cho người bán ngắn hạn				110,764,062,182
Phải thu khác				120,185,066,340
Tổng		-	-	310,473,659,276

5.6 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dư phòng	Giá gốc	Dư phòng
Chi phí SX KDDD	171,547,258,107	-	171,546,258,107	-
Hàng hóa (i)	38,780,000,000	-	38,780,000,000	-
Tổng	210,327,258,107	-	210,326,258,107	-

(i): Khoản mục "Hàng tồn kho" là lô đất tại Khu biệt thự Tây Hồ đã được chuyển nhượng và khoản tiền nhận được từ việc bán lô đất này ghi nhận trên khoản mục "Người mua trả tiền trước" trên Báo cáo tài chính, số tiền 38.780.000.000 VND.

5.7 Chi phí trả trước

	31/03/2019	01/01/2019
	VND	VND
Dài hạn	12,471,826,023	13,485,335,662
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	244,289,390	244,289,390
Giá trị thương hiệu Tổng Công ty Sông Hồng	933,333,320	1,133,333,320
Lợi thế thương mại phát sinh do xác định giá trị doanh nghiệp		
- Lợi thế lô đất Số 70 An Dương, Hà Nội	11,071,727,970	11,885,237,609
- Lợi thế tại lô đất Chi nhánh Lào Cai	222,475,343	222,475,343
Tổng	12,471,826,023	13,485,335,662

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÁU B 09 - DN

5.8 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quân lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2019	8,167,401,127	35,555,234,396	13,473,315,316	221,553,273	57,417,504,112
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Góp vốn bằng tài sản	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/03/2019	8,167,401,127	35,555,234,396	13,473,315,316	221,553,273	57,417,504,112
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2019	5,937,281,583	32,790,942,455	11,359,487,086	221,553,273	50,309,264,397
Tăng trong năm	162,932,899	500,341,956	385,746,963	-	1,049,021,818
Khấu hao trong năm	162,932,899	500,341,956	385,746,963	-	1,049,021,818
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Góp vốn bằng tài sản	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/03/2019	6,100,214,482	33,291,284,411	11,745,234,049	221,553,273	51,358,286,215
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2019	2,230,119,544	2,764,291,941	2,113,828,230	-	7,108,239,715
Tại 31/03/2019	2,067,186,645	2,263,949,985	1,728,081,267	-	6,059,217,897

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 10.038.413.842 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

MÃU B 09- DN

Đơn vị tính: VND

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá gốc hợp lý	Dự phòng	Giá gốc hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con	84,030,709,344	(84,030,709,344)	84,030,709,344	(84,030,709,344)
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	30,000,000,000	(30,000,000,000)	30,000,000,000	(30,000,000,000)
Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng	26,590,013,503	(26,590,013,503)	26,590,013,503	(26,590,013,503)
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	16,681,874,581	(16,681,874,581)	16,681,874,581	(16,681,874,581)
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng	6,500,000,000	(6,500,000,000)	6,500,000,000	(6,500,000,000)
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	2,786,500,000	(2,786,500,000)	2,786,500,000	(2,786,500,000)
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Đô thị Sông Hồng	1,472,321,260	(1,472,321,260)	1,472,321,260	(1,472,321,260)
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	-	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Lô	-	-	-	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết	191,916,364,580	(134,425,052,723)	191,916,364,580	(134,425,052,723)
Công ty CP Thép Sông Hồng	102,000,000,000	(102,000,000,000)	102,000,000,000	(102,000,000,000)
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	36,498,220,000	(2,988,020,725)	36,498,220,000	(2,988,020,725)
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	11,035,058,830	-	11,035,058,830	-
Công ty CP Sông Hồng 36	9,750,000,000	(9,750,000,000)	9,750,000,000	(9,750,000,000)
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	7,100,000,000	-	7,100,000,000	-
Công ty CP Đầu tư TM và XD Công trình Giao thông Hà Nội	6,000,000,000	(1,490,909,879)	6,000,000,000	(1,490,909,879)
Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Sông Hồng	5,250,000,000	(5,250,000,000)	5,250,000,000	(5,250,000,000)
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	5,022,404,482	(5,022,404,482)	5,022,404,482	(5,022,404,482)
Công ty CP Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	4,000,000,000	(4,000,000,000)	4,000,000,000	(4,000,000,000)
Công ty CP Đầu tư và KD Bất động sản Hà Nội Sông Hồng	2,200,000,000	(2,200,000,000)	2,200,000,000	(2,200,000,000)
Công ty CP Sông Hồng Bình Tây	1,696,000,000	(1,696,000,000)	1,696,000,000	(1,696,000,000)
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	1,000,000,000	-	1,000,000,000	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	364,681,268	(27,717,637)	364,681,268	(27,717,637)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09- DN

5.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác	10,528,713,942	(1,700,000,000)	(1,700,000,000)	10,528,713,942	(1,700,000,000)	(1,700,000,000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng	4,063,089,559	-	-	4,063,089,559	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9	2,000,000,000	-	-	2,000,000,000	-	-
Công ty Cổ phần TM và Xây lắp Sông Hồng (Công ty Cổ phần Sông Hồng 6)	1,700,000,000	-	(1,700,000,000)	1,700,000,000	-	(1,700,000,000)
Công ty Cổ phần Nhom Sông Hồng	1,264,586,273	-	-	1,264,586,273	-	-
Công ty Cổ phần Sông Hồng Đại Phát	1,000,000,000	-	-	1,000,000,000	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng	500,000,000	-	-	500,000,000	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	1,038,110	-	-	1,038,110	-	-
Tổng	286,475,787,866	-	(220,155,762,067)	286,475,787,866	-	(220,155,762,067)

Công ty con, Công ty liên kết là các công ty chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán và Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết bằng các Phương pháp định giá. Giá trị hợp lý có thể khác với giá trị ghi sổ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

	31/03/2019	01/01/2019
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	35,924,641,375	35,870,263,375
- Khách sạn Royal Sông Hồng (ii)	35,602,635,193	35,602,635,193
- Dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2	-	-
- Dự án Khu nhà ở cán bộ công chức Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật	-	-
- Dự án Lĩnh Nam	322,006,182	267,628,182
Tổng	35,924,641,375	35,870,263,375

(ii): Dự án Khách sạn Royal Sông Hồng được thực hiện theo Quyết định số 108/QĐ-HĐQT-TCT ngày 03/04/2008 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng với tổng mức vốn đầu tư là 36,7 tỷ đồng. Thời gian thực hiện kéo dài hơn so với kế hoạch (18 tháng). Công văn số 2240/BXD-KHTC ngày 20/09/2017 của Bộ Xây dựng chấp thuận chủ trương cho phép Tổng Công ty tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng dự án.

5.11 Phải trả người bán*Đơn vị tính: VND*

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	268,120,664,761	-	276,068,587,987	-
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	42,101,417,851	-	53,632,329,162	-
Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	30,955,610,389	-	25,074,712,444	-
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	18,041,860,622	-	18,041,860,622	-
Công ty CP Công Nghiệp Tàu Thủy Đông Bắc	28,493,447,615	-	28,493,447,615	-
Các công ty khác	148,528,328,284	-	150,826,238,144	-
Tổng	268,120,664,761	-	276,068,587,987	-

5.12 Người mua trả tiền trước*Đơn vị tính: VND*

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	46,199,535,530	-	46,199,514,985	-
Các hộ dân Dự án biệt thự Tây Hồ	38,780,000,000	-	38,780,000,000	-
Bà Lê Thị Minh Nguyệt	-	-	-	-
Các đối tượng khác	7,419,535,530	-	7,419,514,985	-
Tổng	46,199,535,530	-	46,199,514,985	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/03/2019
Phải nộp	822,785,797	2,097,610,121	260,208,961	2,660,186,957
Thuế giá trị gia tăng	310,983,135	1,785,694,070	-	2,096,677,205
Thuế thu nhập cá nhân	138,384,682	202,316,196	148,609,106	192,091,772
Thuế nhà đất tiền thuê đất	-	103,599,855	103,599,855	-
Thuế khác	373,417,980	6,000,000	8,000,000	371,417,980
Phải thu	2,479,050,140	2,479,050,140	-	-
Thuế giá trị gia tăng vãng lai đã nộp	2,479,050,140	2,479,050,140	-	-

5.14 Chi phí phải trả

	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn	595,855,204,332	573,995,204,332
Chi phí lãi vay phải trả	277,039,421,426	255,179,421,426
Trích trước giá vốn công trình	318,815,782,906	318,815,782,906
Tổng	595,855,204,332	573,995,204,332

Chi phí trích trước vào giá vốn các công trình chưa có hóa đơn GTGT và chưa được Tổng Công ty quyết toán tại ngày 31/03/2019.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.15 Phải trả khác

	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn	51,807,349,506	50,059,729,841
Kinh phí công đoàn	420,784,090	441,100,226
Bảo hiểm xã hội	379,343,505	394,028,271
Bảo hiểm y tế	200,036,970	204,015,348
Bảo hiểm thất nghiệp	33,748,568	36,943,994
Phải trả về Cổ phần hóa	4,169,029,883	4,169,029,883
Phải trả, phải nộp khác	46,604,406,490	44,814,612,119
<i>Công ty Cổ phần Nhôm Sông Hồng</i>	<i>3,862,093,801</i>	<i>3,862,093,801</i>
<i>Cổ tức phải trả cổ đông</i>	<i>22,919,286,000</i>	<i>22,919,286,000</i>
<i>Lỗ tại chi nhánh Miền Đông trước cổ phần hóa</i>	<i>9,578,124,594</i>	<i>9,578,124,594</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>10,244,902,095</i>	<i>8,455,107,724</i>
Dài hạn	258,455,643,308	260,455,643,308
Khoản thu tiền bán căn hộ nhà I1, I2, I3 Dự án Thái Hà chờ quyết toán	227,573,438,212	227,573,438,212
Phải trả cá nhân góp vốn Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	174,205,096	174,205,096
Giá trị văn phòng được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư Ban Quản lý Dự án Thái Hà	30,498,000,000	30,498,000,000
Phải trả tiền ký quỹ để làm sổ đỏ biệt thự D3	210,000,000	210,000,000
Phải trả phải nộp dài hạn khác		2,000,000,000
Tổng	310,262,992,814	310,515,373,149

5.16 Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2018 VND	31/12/2018 VND
Dài hạn		-
Công ty TNHH MTV Quản lý của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC)	238.974.988.001	-
Tổng	238.974.988.001	-

Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 45/2018/KDTM-PT ngày 12/04/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Quyết định số 01/QĐ-CCTHADS ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội về việc tiếp tục thi hành Quyết định thi hành án số 492/QĐ-CCTHADS ngày 22/08/2018: Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng phải trả cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC) số tiền 238.974.988.001 đồng và còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc (95,43 tỷ đồng) chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (19/06/2017).

Thông báo số 01/TB-TANDCC-KDTM ngày 02/01/2019 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội v/v: Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng không có căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 45/2018/KDTM-PT ngày 12/04/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

	31/03/2019		Trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	3,410,173,000	-	-	-	3,410,173,000	-
Công ty CP Đầu tư địa ốc Sông Hồng	-	-	-	-	-	-
Cty CP Công nghệ & Truyền thông Sông Hồng	-	-	-	-	-	-
Công ty CP INTOP	-	-	-	-	-	-
Vay cá nhân	3,410,173,000	-	-	-	3,410,173,000	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	191,809,390,313	-	-	-	191,809,390,313	-
Ngân hàng TMCP Đại Dương	191,809,390,313	-	-	-	191,809,390,313	-
- Chi nhánh Hà Tĩnh (iii)	-	-	-	-	-	-
Tổng	195,219,563,313	-	-	-	195,219,563,313	-

(iii): Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0036/2011/HĐTD1 ngày 01 tháng 12 năm 2011 vay Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh với tổng hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND. Dư nợ tín dụng tính đến thời điểm 31/12/2015 là 193.102.141.087 VND. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2011. Lãi suất theo quy định của OceanBank tại từng thời điểm giải ngân. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động và cấp bảo lãnh cho bên B phục vụ thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Đề đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng chấp thuận đề Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh quản lý nguồn thu từ việc thực hiện thi công các hạng mục xây dựng thuộc hợp đồng EPC - Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Căn cứ theo phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng lần thứ 6 ngày 26/11/2014, khoản vay được gia hạn tới ngày 31/01/2016, lãi và gốc được trả một lần khi đáo hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÓNG HỒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÀU B 09 - DN

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2018	270,000,000,000	24,126,376,429	-	26,293,456,226	25,981,000	5,941,310,206	(531,855,719,827)	(205,468,595,966)
Tăng trong năm	-	-	1,072,018,933	-	-	-	165,051,146	1,237,070,079
Tăng khác	-	-	1,072,018,933	-	-	-	165,051,146	165,051,146
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	376,320,016,309	376,320,016,309
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	376,320,016,309	376,320,016,309
Số dư tại 31/12/2018	270,000,000,000	24,126,376,429	2,144,037,866	26,293,456,226	25,981,000	5,941,310,206	(908,010,684,990)	(580,551,542,196)
Số dư tại 01/01/2018	270,000,000,000	24,126,376,429	2,144,037,866	26,293,456,226	25,981,000	5,941,310,206	(908,010,684,990)	(580,551,542,196)
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	23,287,570,034	23,287,570,034
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	23,287,570,034	23,287,570,034
Số dư tại 31/12/2018	270,000,000,000	24,126,376,429	2,144,037,866	26,293,456,226	25,981,000	5,941,310,206	(931,298,255,024)	(603,839,112,230)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
Vốn góp của Nhà nước	132,412,000,000	132,412,000,000
Phan Việt Anh	40,319,780,000	40,319,780,000
Phạm Thị Phương Thúy	29,874,000,000	29,874,000,000
Lã Tuấn Hưng	25,000,000,000	25,000,000,000
Cổ đông khác	42,394,220,000	42,394,220,000
Tổng	270,000,000,000	270,000,000,000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	270,000,000,000	270,000,000,000
Vốn góp tăng trong kỳ		65,219,780,000
Vốn góp giảm trong kỳ		65,219,780,000
Vốn góp tại cuối kỳ	270,000,000,000	270,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/03/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27,000,000	27,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27,000,000	27,000,000
Cổ phiếu phổ thông	27,000,000	27,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27,000,000	27,000,000
Cổ phiếu phổ thông	27,000,000	27,000,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10,000	10,000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	26,293,456,226	26,293,456,226
Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	25,981,000	25,981,000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5,941,310,206	5,941,310,206
Tổng	32,260,747,432	32,260,747,432

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,833,823,682	-
Doanh thu bán hàng	9,491,639,081	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng		7,887,182,323
Tổng	11,325,462,763	7,887,182,323

5.20 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
Giá vốn hàng bán	10,604,506,862	
Giá vốn của hợp đồng xây dựng		7,397,270,748
Tổng	10,604,506,862	7,397,270,748

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	105,568,461	14,586,215
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		2,505,979,427
Lãi chậm trả từ nợ phải thu khó đòi		
Tổng	105,568,461	2,520,565,642

5.22 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
Lãi tiền vay	21,860,000,000	6,322,651,621
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư		
Tổng	21,860,000,000	6,322,651,621

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
Chi phí quản lý	4,079,784,171	5,324,685,987
Chi phí nhân viên quản lý	2,284,743,766	3,126,101,174
Chi phí vật liệu quản lý	28,273,874	64,879,818
Chi phí đồ dùng văn phòng	201,924,000	3,440,000
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,049,021,818	1,046,162,227
Thuế phí và lệ phí	16,323,573	24,495,145
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107,955,958	305,258,169
Chi phí bằng tiền khác	391,541,182	754,349,454
Tổng	4,079,784,171	5,324,685,987

5.24 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
Thu nhập khác	39,690,230	
Bồi hoàn công cụ, dụng cụ	-	
Phí thầu chính, thầu phụ	-	
Tiền cho thuê mặt bằng, văn phòng, tài sản		513,456,818
Cho thuê tài sản		427,274,000
Thu nhập khác	1,785,999,545	835,900,000
Tổng	1,825,689,775	1,776,630,818
Chi phí khác		
Chi phí quản lý, vận hành chung cư	-	-
Chi phí phạt chậm nộp BHXH, phạt VPHC về lĩnh vực thuế	-	-
Chuyển nhượng dự án	-	-
Khấu hao TSCĐ cho thuê	-	317,550,502
Chi phí khác	-	-
Tổng	-	317,550,502
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	1,825,689,775	1,459,080,316

5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28,273,874	64,879,818
Chi phí nhân công	2,284,743,766	3,126,101,174
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,049,021,818	1,046,162,227
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107,955,958	305,258,169
Chi phí khác bằng tiền	391,541,182	754,349,454
Tổng	3,861,536,598	5,296,750,842

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
		đến 31/03/2019	đến 31/03/2018
		VND	VND
Ban Tổng Giám đốc, HĐQT và Ban kiểm soát	Lương, thù lao	323,500,000	376.773.497

Giao dịch với bên liên quan khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/03/2019	01/01/2019
		VND	VND
Giao dịch bán hàng			
Công ty con			
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	Bán hàng	34,380,993	269,100,250
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Bán hàng		-
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Bán hàng	301,585,267	359,330,745
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	Bán hàng	601,065	150,780,000
Công ty CP Tư vấn và XD Đô thị Sông Hồng	Bán hàng		4,006,891
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông Hồng	Bán hàng		30,000,000
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Bán hàng	54,483,652	-
Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Bán hàng		194,183,880
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	Bán hàng		-
Tổng			1,007,401,766
Giao dịch mua hàng			
Công ty con			
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Thuê thi công	5,436,270,859	
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Thuê thi công	4,444,726,363	
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	Thuê thi công		2,155,756,760
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông Hồng	Thuê thi công		-
Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	Thuê thi công		-
Tổng		9,880,997,222	2,155,756,760

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)**Số dư với bên liên quan khác**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty con			
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	Phải thu khách hàng	7,594,011,252	7,594,011,252
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Lô	Phải thu khách hàng	164,906,606	164,906,606
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng	Phải thu khách hàng	8,601,928,561	8,601,928,561
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông	Phải thu khách hàng	-	-
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Phải thu khách hàng	-	-
Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải thu khách hàng	-	-
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Phải thu khách hàng	205,990,037	205,990,037
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	Phải thu khách hàng	13,776,454	13,776,454
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải thu khách hàng	13,505,443,049	13,505,443,049
Công ty CP Sông Hồng Bình Tây	Phải thu khách hàng	573,870,335	573,870,335
Công ty CP Thép Sông Hồng	Phải thu khách hàng	3,897,962,892	3,897,962,892
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	Phải thu khách hàng	460,501,447	460,501,447
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải thu khách hàng	-	-
Tổng		35,018,390,633	35,018,390,633
Công ty con			
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	Trả trước người bán	19,132,576,433	19,132,576,433
Công ty CP Tư vấn và XD Đô thị Sông Hồng	Trả trước người bán	307,203,000	307,203,000
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Trả trước người bán	6,843,008,120	6,843,008,120
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng	Trả trước người bán	43,574,765,655	43,574,765,655
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông Hồng	Trả trước người bán	30,000,000	30,000,000
Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Trả trước người bán	-	-
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Trả trước người bán	6,000,000,000	6,000,000,000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Trả trước người bán	-	-
Công ty CP Sông Hồng 36	Trả trước người bán	7,100,654,421	7,100,654,421
Công ty CP Thép Sông Hồng	Trả trước người bán	2,800,000,000	2,800,000,000
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Trả trước người bán	126,390,086,131	126,390,086,131
Tổng		212,178,293,760	212,178,293,760

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư với bên liên quan khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty con			
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	Phải thu khác	18,372,583,257	18,393,448,694
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Lô	Phải thu khác	-	-
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng	Phải thu khác	-	-
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	Phải thu khác	-	-
Công ty CP Tư vấn và XD Đô thị Sông Hồng	Phải thu khác	75,086,560	75,086,560
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông Hồng	Phải thu khác	-	-
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Phải thu khác	-	-
Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải thu khác	-	-
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Phải thu khác	1,929,686,382	1,929,686,382
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Phải thu khác	-	-
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải thu khác	24,180,283,813	24,180,283,813
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	Phải thu khác	3,320,000,000	3,320,000,000
Công ty CP Sông Hồng Bình Tây	Phải thu khác	-	-
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải thu khác	8,747,653,581	8,747,653,581
Tổng		56,625,293,593	56,646,159,030
Công ty con			
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	Phải trả người bán	-	-
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng	Phải trả người bán	-	-
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	Phải trả người bán	-	-
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông Hồng	Phải trả người bán	-	-
Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Phải trả người bán	58,147,155,665	53,632,329,162
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải trả người bán	30,955,610,389	25,074,712,444
Công ty CP Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	Phải trả người bán	5,937,157,555	5,937,157,555
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải trả người bán	-	-
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	Phải trả người bán	18,041,860,622	18,041,860,622
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9	Phải trả người bán	-	-
Công ty CP Thép Sông Hồng	Phải trả người bán	-	-
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	Phải trả người bán	-	-
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	Phải trả người bán	6,644,357,996	6,644,357,996
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải trả người bán	1,275,927,812	1,275,927,812
Tổng		121,002,070,039	110,606,345,591
Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải trả khác	-	-
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải trả khác	-	-
Tổng		-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.3 Thông tin khác

(i) Dự án Xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 - Thái Hà được thực hiện theo hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2008 ngày 03/04/2008 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và đang ghi nhận khoản lợi nhuận tạm tính thu được từ dự án là 103,92 tỷ đồng trên chỉ tiêu Phải thu dài hạn khác tuy nhiên Dự án này chưa được quyết toán với bên hợp tác đầu tư. Ngày 03/05/2018, Nghị quyết số 29/NQ-HĐQT về việc: Quyết toán diện tích phân chia thực tế Dự án và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản lợi nhuận ước tính trên là tương đối chính xác và chắc chắn thu được và theo đó các khoản điều chỉnh liên quan đến Dự án này sẽ chỉ được thực hiện khi có quyết toán cuối cùng với bên hợp tác đầu tư.

(ii) Ngày 24/01/2017, Bộ Xây dựng đã có công văn số 153/BXD-QLDN về việc thoái vốn tại 8 công ty có vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng, bao gồm: CTCP Sông Hồng Miền Trung, CTCP Bất động sản Hà Nội Sông Hồng, CTCP Đầu tư Thương mại và Xây dựng CTGT Hà Nội (trước đây là CTCP Sông Hồng 10), CTCP Đầu tư và Xây dựng Sông Lô, CTCP Đầu tư địa ốc Sông Hồng, CTCP Năng lượng Sông Hồng, CTCP Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng, CTCP Nhôm Sông Hồng. Đến hết tháng 06 năm 2018, Tổng Công ty đã bán đấu giá thành công số cổ phần thoái vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Lô.

Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/08/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Thông báo số 221/TB-BXD ngày 06/06/2018 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện chủ trương của Bộ Xây dựng trong việc thoái vốn Nhà nước của Tổng Công ty Sông Hồng về mức 36% hoặc Bộ Xây dựng phải bán hết vốn Nhà nước vào năm 2018.

(iii) Theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-SHC ngày 28/09/2009 giữa Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA), giá trị hợp đồng thi công của Tổng Công ty cho hạng mục của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I là 1.315,8 tỷ đồng được giao toàn bộ cho Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 quản lý và thực hiện. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27/01/2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 khoảng 1.090 tỷ đồng. Đồng thời, ngày 14/03/2016, PVN đã có văn bản số 1429/QĐ-DKVN về việc phê duyệt Tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 2 Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 là 33.576,29 tỷ đồng. Theo đó, giá trị dự toán, sau thẩm tra/thẩm định đối với hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 213,8 tỷ đồng so với hợp đồng đã ký. Đơn vị Tổng thầu đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, PVN đã chấp thuận điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án bao gồm giá trị phát sinh chưa lường hết của Dự án. Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc để thống nhất khối lượng mà Tổng Công ty đã thực hiện với đơn vị Tổng thầu.

6.4 Cam kết về đầu tư khác

(iv) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 965/HTĐT/2014 ngày 18/07/2014 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long về việc đầu tư Dự án Khu nhà ở Sông Hồng - Việt Trì 1 + 2 với tổng mức đầu tư là 95 tỷ đồng. Tổng Công ty sẽ thực hiện góp vốn 40% (trong đó bao gồm vốn góp từ khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long) và đại diện cho hai bên tham gia góp vốn kinh doanh thực hiện dự án. Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/2017/BBH-HĐQT ngày 08/03/2017 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2017/NQ-HĐQT ngày 10/03/2017, Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long đã quyết định dừng hợp tác đầu tư dự án trên với Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng do gặp khó khăn về tài chính, hồ sơ pháp lý khu đất không đầy đủ do thế chấp ngân hàng. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Dự án chưa hoàn tất thủ tục pháp lý để triển khai.

(v) Theo biên bản làm việc ngày 10/03/2014 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Sông Hồng 6 đã thống nhất chủ trương thực hiện triển khai Dự án tại khu đất Ngõ 49 đường Hùng Vương, phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc do Công ty Cổ phần Sông Hồng 6 quản lý. Tổng Công ty sẽ thực hiện góp vốn 40% (trong đó bao gồm vốn góp từ khoản phải thu từ Công ty Cổ phần

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN

Sông Hồng 6) và đại diện cho hai bên tham gia góp vốn kinh doanh thực hiện dự án. Theo Công văn số 74/CV-SH6 ngày 20/12/2016 Công ty Cổ phần Sông Hồng số 6 đã đề nghị chấm dứt việc hợp tác đầu tư dự án tại khu đất của Công ty Cổ phần Sông Hồng số 6 tại TP Vinh Yên - Vĩnh Phúc do gặp khó khăn về tài chính. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Dự án chưa hoàn tất thủ tục pháp lý để triển khai.

- (vi) Liên danh Hợp tác đầu tư số 01/2018/HTĐT/SH-VMG ngày 22/03/2018 giữa Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng (Bên A) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex (Bên B) về việc thỏa thuận cùng góp thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng nhà ở cho cán bộ của Nhà xuất bản chính trị Quốc gia. Tỷ lệ Bên A và Bên B tham gia góp vốn là 10% và 90%. Bên A đồng ý chuyển nhượng phần vốn đầu tư ban đầu của Bên A là 25 tỷ đồng. Sau ngày Bên B thanh toán cho Bên A, và khi Bên A chưa thực hiện nghĩa vụ góp vốn theo Hợp đồng liên danh, thì Bên B được coi là bên góp vốn duy nhất vào dự án và được hưởng toàn bộ các quyền, lợi ích phát sinh từ dự án.

6.5 Nợ phải trả và Nợ tiềm tàng liên quan đến các khoản bảo lãnh

Tại thời điểm 31/03/2019, Tổng Công ty có các khoản nợ phải trả và nợ tiềm tàng liên quan đến các khoản bảo lãnh cho các khoản vay Ngân hàng như sau:

- (vii) Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 45/2018/KDTM-PT ngày 12/04/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Quyết định số 01/QĐ-CCTHADS ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội v/v: Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc (95,43 tỷ đồng) chưa thanh toán cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC) kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (19/06/2017).
- (viii) Tòa sơ thẩm xét xử vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 52/2018/TLST-KDTM và 53/2018/TLST-KDTM ngày 12/01/2018 của Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội v/v: Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương và Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng theo cam kết bảo lãnh với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền là 85,5 tỷ đồng (nợ gốc 67,58 tỷ đồng; nợ lãi quá hạn tạm tính là 17,919 tỷ đồng).

6.6 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu của Tổng Công ty thuộc một bộ phận trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Người lập

Nguyễn Diệu Thúy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nhung

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2019

Tổng Giám đốc



Lê Tuấn Hưng